|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025* |

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN MỘT SỐ ĐIỀU**

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2012/NĐ-CP NGÀY 03/4/2012 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 232/2025/NĐ-CP NGÀY 26/8/2025**

| **Điều** | **Thông tư số 16/TT-NHNN**  **ngày 25/5/2012[[1]](#footnote-1)** | **Dự thảo Thông tư thay thế**  **Thông tư 16/2012/TT-NHNN** | **Thuyết minh** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** | **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh  Thông tư này hướng dẫn về hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng theo quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng (sau đây gọi là Nghị định số 24/2012/NĐ-CP). | **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh  Thông tư này hướng dẫn về hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ; ***hoạt động sản xuất vàng miếng,*** hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng và ***hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng***theo quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 24/2012/NĐ-CP). | Nghị định 232/2025/NĐ-CP đã xóa bỏ độc quyền nhà nước về sản xuất vàng miếng, cấp phép cho các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại (DN, NHTM) đáp ứng đủ điều kiện để sản xuất vàng miếng và mở rộng quyền xuất khẩu, nhập khẩu vàng. Do đó, sửa đổi, bổ sung phạm vi điều chỉnh cho phù hợp với Nghị định 232. |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng** | **Điều 2.** Đối tượng áp dụng  Thông tư này áp dụng đối với doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có hoạt động kinh doanh vàng trên lãnh thổ Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan. | **Điều 2.** Đối tượng áp dụng  Thông tư này áp dụng đối với doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có hoạt động kinh doanh vàng trên lãnh thổ Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan. | Kế thừa quy định từ Thông tư 16. |
| **Điều 3. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ** | **- Bãi bỏ Điều 3** quy định vềĐiều kiện cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.  ***- Dự thảo Điều 3 Thông tư kế thừa quy định tại Điều 8 và Điều 8a Thông tư 16.***  **Điều 8.** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ  1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư này).  2. Văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm sản xuất; bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.  **Điều 8a.** Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ  1. Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.  2. Trường hợp điều chỉnh địa điểm sản xuất trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, hồ sơ kèm theo văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm sản xuất; bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ tại địa chỉ mới. | **Điều 3.** Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ  1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ:  a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm sản xuất; bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.  2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ:  a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung địa điểm sản xuất trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, hồ sơ kèm theo văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm sản xuất; bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ tại địa chỉ mới.  Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ của địa điểm sản xuất do thay đổi địa giới hành chính, doanh nghiệp không cần làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. | 1. Nghị định 232 bãi bỏ khoản 3 Điều 4 Nghị định 24.  2. Hồ sơ đề nghị cấp, sưa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ quy định tại Điều 3 dự thảo Thông tư được kế thừa từ các quy định tại Điều 8, Điều 8a Thông tư 16.  3. Trường hợp thay đổi địa chỉ của địa điểm sản xuất do thay đổi địa giới hành chính, doanh nghiệp không cần làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. |
| **Điều 4. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng** | **- Bãi bỏ Điều 4** Quy định vềđiều kiện cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài.  ***- Dự thảo Thông tư kế thừa quy định tại Điều 9 Thông tư 16.***  ***Điều 9.*** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng  1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng đối với doanh nghiệp bao gồm:  a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này);  b) Danh sách các địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (trụ sở chính, chi nhánh, địa điểm kinh doanh);  c) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh và văn bản thể hiện địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng theo danh sách tại điểm b khoản này đã được đăng ký kinh doanh hoặc đã được thông báo tới cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;  d) Xác nhận của cơ quan thuế về số thuế đã nộp của hoạt động kinh doanh vàng trong 02 (hai) năm liền kề trước đó.  2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng đối với tổ chức tín dụng bao gồm:  a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư này);  b) Danh sách các địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch);  c) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh và văn bản thể hiện địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng theo danh sách tại điểm b khoản này đã được đăng ký kinh doanh hoặc đã được thông báo tới cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. | **Điều 4.** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng  1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Danh sách các địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (trụ sở chính, chi nhánh, địa điểm kinh doanh).  3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (đối với doanh nghiệp), văn bản thể hiện địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng theo danh sách tại khoản 2 Điều này đã được thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.  4. Xác nhận của cơ quan thuế về số thuế đã nộp của hoạt động kinh doanh vàng trong 2 (hai) năm liền kề trước đó đối với doanh nghiệp. | 1. Bãi bỏ Điều 4 Thông tư 16 phù hợp với khoản 4 Điều 14 Nghị định 24 (sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 232).  2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng quy định tại Điều 4 dự thảo Thông tư được kế thừa quy định tại Điều 9 Thông tư 16. Trong đó khoản 1 đến khoản 3 quy định hồ sơ của Doanh nghiệp và tổ chức tín dụng giống nhau, chỉ phân biệt hồ sơ quy định tại khoản 4 đối với riêng doanh nghiệp. |
| **Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại** | **- Bãi bỏ Điều 5** Quy định về Điều kiện cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. | **Điều 5.** Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại  1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng:  a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Tài liệu chứng minh số vốn điều lệ của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo quy định;  c) Quy định nội bộ quy định về sản xuất vàng miếng bao gồm những nội dung cơ bản như: quy trình nhập nguyên liệu; quy trình sản xuất vàng miếng; quy trình giám sát sản xuất vàng miếng; quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm;  d) Tài liệu chứng minh đã thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả, các kiến nghị có thời hạn thực hiện tại Kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động kinh doanh vàng (nếu có).  2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng trong trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp/ngân hàng thương mại trong Giấy phép sản xuất vàng miếng:  a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Hồ sơ, tài liệu chứng minh các nội dung thay đổi theo điểm a khoản này (đối với doanh nghiệp).  Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính do thay đổi địa giới hành chính, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại không cần làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng. | 1. Bãi bỏ Điều 5 Thông tư 16 phù hợp với khoản 5 Điều 14 Nghị định 24 (sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 232).  2. Điều 5 dự thảo Thông tư quy định hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng để phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định 24 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 232 quy định hoạt động sản xuất vàng miếng là hoạt động kinh doanh có điều kiện và phải được NHNN cấp phép.  Đây là thủ tục hành chính mới được quy định tại dự thảo Thông tư.  Thành phần hồ sơ được thiết kế phù hợp với các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11a Nghị định 232.  3. Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính do thay đổi địa giới hành chính, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại không cần làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng. |
| **Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài** | **- Bãi bỏ Điều 6** quy định vềĐiều kiện cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng.  ***- Dự thảo Thông tư kế thừa quy định tại Điều 11 và Điều 11a Thông tư 16.***  **Điều 11.** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài  1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm (theo mẫu tại Phụ lục 4 Thông tư này).  2. Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài.  4. Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ (theo mẫu tại Phụ lục 7 Thông tư này), kèm bảng kê các tờ khai Hải quan tạm nhập - tái xuất vàng và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này (theo mẫu tại Phụ lục 7a Thông tư này).  5. Bản kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.  **Điều 11a.** Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài  1. Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm.  2. Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài hoặc phụ lục hợp đồng liên quan đến việc điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm.  3. Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp kể từ thời điểm được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đến thời điểm nộp hồ sơ (theo mẫu tại Phụ lục 7 Thông tư này), kèm bảng kê các tờ khai Hải quan tạm nhập - tái xuất vàng và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này (theo mẫu tại Phụ lục 7a Thông tư này).  4. Bản kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp. | **Điều 6.** Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài  1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài:  a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài;  c) Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm bảng kê các tờ khai Hải quan tạm nhập - tái xuất vàng và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này (không áp dụng đối với doanh nghiệp xin cấp Giấy phép lần đầu);  2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài:  a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài hoặc phụ lục hợp đồng liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm;  c) Báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp kể từ thời điểm được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm bảng kê các tờ khai Hải quan tạm nhập - tái xuất vàng và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;  d) Bản kế hoạch điều chỉnh sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp. | 1. Bãi bỏ Điều 6 Thông tư 16 phù hợp khoản 6 Điều 14 Nghị định 24 (sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 232).  2. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài quy định tại Điều 6 dự thảo Thông tư được kế thừa quy định tại Điều 11 và Điều 11a Thông tư 16. |
| **Điều 7. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ** | **- Bãi bỏ Điều 7** quy định vềĐiều kiện cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam.  ***- Dự thảo Thông tư kế thừa quy định tại Điều 12 Thông tư 16.***  **Điều 12.** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ  Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch hoặc khi cần bổ sung khối lượng nhập khẩu vàng nguyên liệu theo kế hoạch, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu. Hồ sơ bao gồm:  1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu (theo mẫu tại Phụ lục 5 Thông tư này);  2. Giấy chứng nhận đầu tư;  3. Báo cáo tình hình thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm vàng tại thị trường Việt Nam trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm báo cáo (trường hợp đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu trong năm kế hoạch) hoặc từ đầu năm đến thời điểm báo cáo (trường hợp bổ sung khối lượng nhập khẩu vàng nguyên liệu) (theo mẫu tại Phụ lục 8 Thông tư này), kèm bảng kê các tờ khai Hải quan xuất khẩu, nhập khẩu và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này (theo mẫu tại Phụ lục 7a Thông tư này);  4. Bản kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; văn bản, tài liệu chứng minh năng lực sản xuất của doanh nghiệp;  5. Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài. | **Điều 7.** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ  Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch hoặc khi cần bổ sung khối lượng nhập khẩu vàng nguyên liệu theo kế hoạch, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu. Hồ sơ bao gồm:  1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.  3. Hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài.  4. Báo cáo tình hình thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm vàng tại thị trường Việt Nam trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm báo cáo (trường hợp đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu trong năm kế hoạch) hoặc từ đầu năm đến thời điểm báo cáo (trường hợp bổ sung khối lượng nhập khẩu vàng nguyên liệu) theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm bảng kê các tờ khai Hải quan xuất khẩu, nhập khẩu và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này (không áp dụng đối với doanh nghiệp xin cấp Giấy phép lần đầu). | 1. Bãi bỏ Điều 7 Thông tư 16 phù hợp với khoản 7 Điều 14 Nghị định 24 (sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 232).  2. Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam quy định tại Điều 7 dự thảo Thông tư được kế thừa quy định tại Điều 12 Thông tư 16.  Dự thảo Thông tư bỏ thành phần hồ sơ “Bản kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; văn bản, tài liệu chứng minh năng lực sản xuất của doanh nghiệp” do điều kiện cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định 24 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 232) không quy định điều kiện này. |
| **Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng** | ***Dự thảo Thông tư kế thừa quy định tại Điều 13 Thông tư 16.***  **Điều 13.** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng  1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu (theo mẫu tại Phụ lục 4 Thông tư này).  2. Giấy chứng nhận đầu tư.  3. Tài liệu chứng minh nguồn vàng nguyên liệu dự kiến nhập khẩu là do doanh nghiệp khai thác ở nước ngoài hoặc được phân chia sản phẩm theo thỏa thuận khai thác vàng ở nước ngoài.  4. Văn bản, tài liệu chứng minh việc sử dụng nguồn vàng nguyên liệu nhập khẩu phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư này.  5. Báo cáo tình hình khai thác và nhập khẩu vàng nguyên liệu của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm báo cáo, kèm bảng kê các tờ khai Hải quan nhập khẩu vàng và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này (theo mẫu tại Phụ lục 9 Thông tư này). | **Điều 8.** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng  1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.  3. Tài liệu chứng minh nguồn vàng nguyên liệu dự kiến nhập khẩu là do doanh nghiệp khai thác ở nước ngoài hoặc được phân chia sản phẩm theo thỏa thuận khai thác vàng ở nước ngoài.  4. Báo cáo tình hình khai thác và nhập khẩu vàng nguyên liệu của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm báo cáo (nếu có), kèm bảng kê các tờ khai Hải quan nhập khẩu vàng và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này theo mẫu tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này. | Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng quy định tại Điều 8 dự thảo Thông tư được kế thừa quy định tại Điều 13 Thông tư 16.  Dự thảo Thông tư bỏ thành phần hồ sơ “Văn bản, tài liệu chứng minh việc sử dụng nguồn vàng nguyên liệu nhập khẩu phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư này” do điều kiện cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng quy định tại khoản 6 Điều 14 Nghị định 24 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 232) không quy định điều kiện này. |
| **Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam** | ***Dự thảo Thông tư kế thừa quy định tại Điều 14 Thông tư 16.***  **Điều 14.** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng  1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu (theo mẫu tại Phụ lục 4 Thông tư này).  2. Giấy chứng nhận đầu tư.  3. Tài liệu chứng minh nguồn vàng nguyên liệu dự kiến nhập khẩu là do doanh nghiệp khai thác.  4. Báo cáo tình hình khai thác và xuất khẩu vàng nguyên liệu của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm báo cáo, kèm bảng kê các tờ khai Hải quan xuất khẩu vàng và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này (theo mẫu tại Phụ lục 9 Thông tư này). | **Điều 9.** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam  1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.  3. Tài liệu chứng minh nguồn vàng nguyên liệu dự kiến xuất khẩu là do doanh nghiệp khai thác.  4. Báo cáo tình hình khai thác và xuất khẩu vàng nguyên liệu của doanh nghiệp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng liền kề trước thời điểm báo cáo (nếu có), kèm bảng kê các tờ khai Hải quan xuất khẩu vàng và Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này theo mẫu tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này. | Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam quy định tại Điều 9 dự thảo Thông tư được kế thừa quy định tại Điều 14 Thông tư 16. |
| **Điều 10.** Hồ sơ đề nghị cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng | **Bãi bỏ Điều 10** quy định về Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh vàng trang sức, mỹ nghệ. | **Điều 10.** Hồ sơ đề nghị cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng  Hồ sơ đề nghị cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho năm tiếp theo:  1. Đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động xuất, nhập khẩu vàng (nếu có) theo mẫu tại Phụ lục số 25 ban hành kèm theo Thông tư này. | Hồ sơ đề nghị cấp cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng quy định tại Điều 10 dự thảo Thông tư phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 24 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 232). |
| **Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng** | ***Quy định mới*** | **Điều 11.** Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng  1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng:  a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Tài liệu chứng minh nguồn gốc vàng miếng xuất khẩu.  2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu:  a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng miếng/Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu theo mẫu tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Kế hoạch sử dụng vàng miếng nhập khẩu/Kế hoạch sử dụng vàng nguyên liệu nhập khẩu. | Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 24 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 232).  Đây là các thủ tục hành chính mới được quy định tại dự thảo Thông tư, các thủ tục hành chính này được thực hiện theo từng lần trên cơ sở đề nghị của các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại. Do đó, thành phần hồ sơ quy định theo hướng đơn giản, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại khi thực hiện thủ tục hành chính. |
| **Điều 12. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ** | **Điều 18.** Nguyên tắc lập hồ sơ  1. Tài liệu trong hồ sơ quy định tại Mục 3 Thông tư này, trừ trường hợp hồ sơ cấp phép theo cơ chế một cửa quốc gia và trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư này, phải là bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.  2. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các văn bản, tài liệu trong hồ sơ. | **Điều 12.** Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ  1. Văn bản tại hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung các loại Giấy phép hoạt động kinh doanh vàng quy định tại Chương II Thông tư này phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (sau đây gọi là người đại diện hợp pháp). Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.  2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép phải được lập 01 bộ bằng tiếng Việt.  3. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao phải nộp bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.  4. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.  5. Hồ sơ được gửi theo một trong các hình thức sau:  a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có);  b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (nơi doanh nghiệp, tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính);  c) Gửi qua dịch vụ bưu chính;  d) Khi gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có), hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.  Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.  đ) Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF). | Thực hiện chỉ đạo của Đảng, Chính phủ về các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, NHNN quy định ngoài việc nộp trực tiếp hồ sơ, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có thể gửi hồ sơ theo phương thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Việc này giúp tổ chức cắt giảm chi phí, tiết kiệm thời gian và nguồn lực. |
| **Điều 13. Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ** | ***Dự thảo Thông tư kế thừa quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 16 Thông tư 16.***  **Điều 16.**  1. Doanh nghiệp có nhu cầu sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và doanh nghiệp có thay đổi liên quan đến nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc qua dịch vụ bưu chính 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 8, Điều 8a Thông tư này.  2. Đối với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, căn cứ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP, tại Thông tư này và kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 16 Thông tư này).  3. Đối với thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, căn cứ quy định về điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP, tại Thông tư này và kết quả kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp (trường hợp thay đổi địa điểm sản xuất), trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xem xét và cấp Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 21 Thông tư này). Quyết định điều chỉnh này là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. | **Điều 13.** Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ  1. Doanh nghiệp có nhu cầu sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ; sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 3 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.  2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 3 Thông tư này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này.  3. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 3 Thông tư này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét và cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này. Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. | 1. Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ quy định tại Điều 13 dự thảo Thông tư được kế thừa quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 16 Thông tư 16.  2. Về thời hạn xử lý hồ sơ, dự thảo Thông tư quy định rút ngắn thời hạn xử lý so với thời hạn quy định tại Thông tư 16.  - Thời hạn thực hiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ rút ngắn từ 30 ngày xuống 10 ngày.  - Thời hạn thực hiện sửa đổ, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ rút ngắn từ 15 ngày xuống 5 ngày.  3. Giữ nguyên phân cấp thẩm quyền chỉ thay đổi chức danh do thay đổi cơ cấu tổ chức theo Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| **Điều 14. Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài; Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ** | ***Dự thảo Thông tư kế thừa quy định:***  ***- Khoản 1, khoản 4 Điều 15 Thông tư 16***  ***- khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 16 Thông tư 16.***  4. Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm và thủ tục điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm được thực hiện như sau:  a) Doanh nghiệp có nhu cầu tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm hoặc điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 11, Điều 11a Thông tư này theo một trong ba cách thức sau:  (i) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước;  (ii) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;  (iii) Gửi qua dịch vụ bưu chính.  b) Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;  c) Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) hoặc được khai trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước;  d) Các tài liệu trong hồ sơ giấy là bản gốc, bản chính hoặc bản sao có xác nhận của doanh nghiệp về việc sao từ bản chính.  5. Đối với thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (theo mẫu tại Phụ lục 17 Thông tư này). Thời hạn có giá trị của Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm được xác định căn cứ theo hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ và tối đa là 12 tháng kể từ ngày cấp phép. Việc tái xuất sản phẩm thực hiện trong thời hạn có giá trị của Giấy phép. Khối lượng vàng nguyên liệu nhập khẩu được xác định căn cứ hợp đồng gia công và kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.  6. Đối với thủ tục điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái sản xuất sản phẩm, căn cứ hợp đồng điều chỉnh và các quy định tại Thông tư này, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Quyết định điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (theo mẫu tại Phụ lục 21 Thông tư này). Trong trường hợp điều chỉnh thời hạn Giấy phép, thời hạn điều chỉnh được xác định căn cứ theo hợp đồng gia công điều chỉnh và tối đa là 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy phép lần đầu. Trường hợp điều chỉnh khối lượng vàng nguyên liệu nhập khẩu, khối lượng điều chỉnh được xác định căn cứ hợp đồng gia công, phụ lục hợp đồng và kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp. | **Điều 14.** Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài; Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ  1. Doanh nghiệp có nhu cầu cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài; Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.  2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn có giá trị của Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm được xác định căn cứ theo hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ và tối đa là 12 tháng kể từ ngày cấp phép. Việc tái xuất sản phẩm thực hiện trong thời hạn có giá trị của Giấy phép. Khối lượng vàng nguyên liệu nhập khẩu được xác định căn cứ hợp đồng gia công, kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.  3. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ hợp đồng điều chỉnh và các quy định tại Thông tư này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm theo mẫu tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn của Giấy phép sửa đổi, bổ sung được xác định căn cứ theo hợp đồng gia công điều chỉnh và tối đa là 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy phép lần đầu. Trường hợp điều chỉnh khối lượng vàng nguyên liệu nhập khẩu, khối lượng điều chỉnh được xác định căn cứ hợp đồng gia công, phụ lục hợp đồng và kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.  4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này. | 1. Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài quy định tại Điều 14 dự thảo Thông tư được kế thừa quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 15 và khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 16 Thông tư 16.  2. Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ xuống NHNN chi nhánh Khu vực.  3. Về thời hạn xử lý hồ sơ, dự thảo Thông tư quy định rút ngắn thời hạn xử lý so với thời hạn quy định tại Thông tư 16.  - Thời hạn thực hiện cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm rút ngắn từ 15 ngày xuống 10 ngày.  - Thời hạn thực hiện sửa đổi, bổ sung Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm rút ngắn từ 15 ngày xuống 5 ngày.  4. Giữ nguyên phân cấp thẩm quyền chỉ thay đổi chức danh do thay đổi cơ cấu tổ chức theo Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  5. Nguyên tắc lập hồ sơ quy định tại Điều 12 dự thảo Thông tư. |
| **Điều 15. Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng; Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam** | ***Dự thảo Thông tư kế thừa quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 15 Thông tư 16.***  **Điều 15.**  **1.** Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có nhu cầu kinh doanh mua, bán vàng miếng; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ; doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng có nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu do doanh nghiệp khai thác ở nước ngoài và doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng có nhu cầu xuất khẩu vàng nguyên liệu do doanh nghiệp khai thác nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại Điều 9, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý Ngoại hối) để được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng hoặc cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu.  **4.** Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng; Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu hoặc Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu (theo mẫu tại Phụ lục 13, 14 hoặc 15 Thông tư này). Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng do Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng. | **Điều 15.** Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng; Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam  1. Doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng có nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu do doanh nghiệp khai thác ở nước ngoài và doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam có nhu cầu xuất khẩu vàng nguyên liệu do doanh nghiệp khai thác vàng tại Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).  2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng; Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam theo mẫu tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này. | 1. Các thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng; Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam quy định tại Điều 15 dự thảo Thông tư được kế thừa quy định tại Điều 15 Thông tư 16.  3. Về thời hạn xử lý hồ sơ, dự thảo Thông tư quy định rút ngắn thời hạn xử lý so với thời hạn quy định tại Thông tư 16.  - Thời hạn cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ rút ngắn từ 15 ngày xuống 10 ngày.  - Thời hạn cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng; Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam rút ngắn từ 30 ngày xuống 10 ngày.  4. Thay đổi chức danh do thay đổi cơ cấu tổ chức theo Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| **Điều 16. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng** | ***Dự thảo Thông tư kế thừa quy định tại khoản 1, 1a, khoản 4 Điều 15 Thông tư 16.***  **Điều 15**  **1.** Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có nhu cầu kinh doanh mua, bán vàng miếng;……. nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại Điều 9, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý Ngoại hối) để được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng hoặc cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu.  **1a.** Đối với trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn kiểm tra về giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh đối với doanh nghiệp và tình hình trang thiết bị cần thiết để triển khai hoạt động mua, bán vàng miếng tại địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố báo cáo kết quả kiểm tra cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối).  **4.** Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng; Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu hoặc Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu (theo mẫu tại Phụ lục 13, 14 hoặc 15 Thông tư này). Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng do Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng. | **Điều 16.** Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng  1. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có nhu cầu kinh doanh mua, bán vàng miếng gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 4 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).  2. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn kiểm tra về giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp) và tình hình trang thiết bị cần thiết để triển khai hoạt động mua, bán vàng miếng tại địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng. Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực báo cáo kết quả cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).  3. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 4 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này. | 1. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng được quy định tại Điều 16 dự thảo Thông tư được kế thừa quy định tại Điều 15 Thông tư 16.  2. Về thời hạn xử lý hồ sơ, dự thảo Thông tư quy định rút ngắn thời hạn xử lý so với thời hạn quy định tại Thông tư 16 (từ 30 ngày xuống 20 ngày).  3. Thay đổi chức danh do thay đổi cơ cấu tổ chức theo Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| **Điều 17. Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng** | **Quy định mới** | **Điều 17.** Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng  1. Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại có nhu cầu cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 5 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).  Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do).  2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày doanh nghiệp, ngân hàng thương mại thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng. Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 5 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).  Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do). | 1. Thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng là tục mới được quy định tại dự thảo Thông tư, phù hợp với quy định tại Nghị định 232.  2. Thời hạn xử lý kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ là 30 ngày làm việc đối với đề nghị cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, 20 ngày làm việc đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất vàng miếng. |
| **Điều 18. Thủ tục cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng** | **Quy định mới** | **Điều 18.** Thủ tục cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng  1. Chậm nhất ngày 15 tháng 11 năm liền kề trước năm đề nghị cấp hạn mức, các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định số 232/2025/NĐ-CP có nhu cầu cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho năm tiếp theo gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 10 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).  2. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại tại khoản 1 Điều này theo mẫu tại Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có văn bản thông báo từ chối (ghi rõ lý do). | 1. Đây là thủ tục hành chính mới, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 24 (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 232).  2. Quy định về thời hạn chậm nhất ngày 15/11 hàng năm gửi hồ sơ đề nghị để NHNN làm căn cứ tính tổng hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng, từ đó phân bổ hạn mức cho từng doanh nghiệp, ngân hàng thương mại. |
| **Điều 19. Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng; Giấy phép nhập khẩu vàng miếng; Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng** | **- Bãi bỏ** **Điều 17** quy định về Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.  **- Bổ sung** quy định về thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng; Giấy phép nhập khẩu vàng miếng; Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng | **Điều 19.** Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng; Giấy phép nhập khẩu vàng miếng; Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng  1. Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng có nhu cầu xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 10 và Điều 12 Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối).  2. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có văn bản thông báo từ chối cấp Giấy phép (ghi rõ lý do). | 1. Bãi bỏ quy định Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ quy định tại Điều 17 Thông tư 16 để phù hợp với quy định tại Nghị định 232.  2. Quy định mới các Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng; Giấy phép nhập khẩu vàng miếng; Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng để phù hợp với quy định tại Nghị định 232.  3. Thời hạn xử lý kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ là 05 ngày làm việc. |
| **Điều 20. Xây dựng, điều chỉnh tổng hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng cấp cho tổ chức quy định tại Điều 11a Nghị định số 232/2025/NĐ-CP** | **Quy định mới** | **Điều 20.** Xây dựng, điều chỉnh tổng hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng, hạn mức hằng năm xuất khẩu, nhập khẩu vàng cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định số 232/2025/NĐ-CP  1. Căn cứ vào mục tiêu chính sách tiền tệ và cung - cầu vàng trong từng thời kỳ, quy mô dự trữ ngoại hối nhà nước, tình hình thực hiện hoạt động xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng, điều chỉnh tổng hạn mức hằng năm đối với việc xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu của các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định số 232/2025/NĐ-CP.  2. Trên cơ sở tổng hạn mức hằng năm quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện cấp hạn mức hằng năm cho từng doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo quy mô vốn điều lệ; tình hình xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu của các năm trước (nếu có) và nhu cầu của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại.  3. Thời hạn xây dựng, cấp hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện chậm nhất ngày 15 tháng 12 hàng năm.  4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định thành lập Hội đồng xây dựng, điều chỉnh hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. | 1. Quy định tại Điều 20 dự thảo Thông tư quy phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 24 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 232).  2. Dự thảo Thông tư quy định xây dựng, điều chỉnh hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng theo hướng:  - Hàng năm, NHNN xây dựng, điều chỉnh tổng hạn mức hàng năm đối với việc xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu của các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại trên cơ sở: Tình hình kinh tế vĩ mô và mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ; Quy mô dự trữ ngoại hối nhà nước; Tình hình thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu.  - Trên cơ sở tổng hạn mức hàng năm, NHNN thực hiện cấp hạn mức hàng năm cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo quy mô vốn điều lệ của doanh nghiệp, NHTM; tình hình xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, vàng nguyên liệu của các năm trước (nếu có) và nhu cầu của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại.  - Trên cơ sở hạn mức hàng năm, các DN và NHTM thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng từng lần theo các quy định tại Thông tư. |
| **Điều 21. Hội đồng xây dựng, điều chỉnh hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng** | **Quy định mới** | **Điều 21.** Hội đồng xây dựng, điều chỉnh hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng  1. Hội đồng xây dựng, điều chỉnh hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng (sau đây gọi tắt là Hội đồng xây dựng hạn mức) do Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phụ trách công tác quản lý hoạt động kinh doanh vàng làm Chủ tịch; các thành viên là Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước: Cục Quản lý ngoại hối, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tài chính, tiền tệ, Cục quản lý, giám sát tổ chức tín dụng. Hội đồng xây dựng hạn mức hoạt động theo Quy chế do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.  2. Nhiệm vụ của Hội đồng xây dựng hạn mức: Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định, điều chỉnh tổng hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu; phân bổ hạn mức hằng năm xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho từng doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định số 232/2025/NĐ-CP. | Do việc xây dựng, điều chỉnh tổng hạn mức hàng năm cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu của các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại căn cứ theo tình hình kinh tế vĩ mô và mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ; Quy mô dự trữ ngoại hối nhà nước. Do đó dự thảo Thông tư quy định Hội đồng xây dựng hạn mức bao gồm các đơn vị chức năng trong NHNN là phù hợp, đảm bảo khách quan, minh bạch trong hoạt động cấp hạn mức. |
| **Điều 22. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ** | ***Kế thừa quy định tại Điều 18b Thông tư 16***  **Điều 18b.** Hồ sơ, thủ tục chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ  1. Trường hợp doanh nghiệp tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ  a) Doanh nghiệp gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hồ sơ gồm:  (i) Văn bản đề nghị việc tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, trong đó nêu rõ lý do;  (ii) Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp;  (iii) Bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp (nếu có);  b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ra Quyết định chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp (theo mẫu tại Phụ lục 20 Thông tư này).  2. Trường hợp doanh nghiệp bị yêu cầu chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ  a) Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ra Quyết định chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp (theo mẫu tại Phụ lục 20 Thông tư này);  b) Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố về việc chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ. | **Điều 22.** Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ  1. Trường hợp doanh nghiệp tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ  a) Doanh nghiệp gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hồ sơ gồm:  a.1) Văn bản đề nghị việc tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, trong đó nêu rõ lý do;  a.2) Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp (nếu có);  b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp theo mẫu tại Phụ lục số 17 ban hành kèm Thông tư này.  2. Trường hợp doanh nghiệp bị yêu cầu chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ  a) Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp theo mẫu tại Phụ lục số 17 ban hành kèm Thông tư này;  b) Trong thời hạn tối đa 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực về việc chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ. | 1. Thủ tục Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ quy định tại Điều 23 dự thảo Thông tư được kế thừa quy định tại Điều 18b Thông tư 16.  2. Về thời hạn xử lý hồ sơ, dự thảo Thông tư quy định rút ngắn thời hạn xử lý so với thời hạn quy định tại Thông tư 16 rút ngắn từ 15 ngày xuống 10 ngày.  3. Giữ nguyên phân cấp thẩm quyền chỉ thay đổi chức danh do thay đổi cơ cấu tổ chức theo Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| **Điều 23. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng** | ***Kế thừa quy định tại Điều 18a Thông tư 16***  **Điều 18a.** Hồ sơ, thủ tục chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng  1. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức tín dụng tự nguyện chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng  a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hồ sơ gồm:  (i) Văn bản đề nghị việc tự nguyện chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng, trong đó nêu rõ lý do;  (ii) Bản chính Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng;  (iii) Bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng (nếu có);  b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định chấm dứt kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng (theo mẫu tại Phụ lục 19 Thông tư này).  2. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức tín dụng bị yêu cầu chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng  a) Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Vụ Quản lý ngoại hối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 19 Thông tư này);  b) Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng. | **Điều 23.** Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng  1. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức tín dụng tự nguyện chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng  a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hồ sơ gồm:  a.1) Văn bản đề nghị việc tự nguyện chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng, trong đó nêu rõ lý do;  a.2) Bản chính Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng (nếu có);  b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, Thống đốc Ngân hàng Nhà Việt Nam nước ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng theo mẫu tại Phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức tín dụng bị yêu cầu chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng  a) Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Cục Quản lý ngoại hối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Trong thời hạn tối đa 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có trách nhiệm nộp lại bản chính Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép (nếu có), đồng thời chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng. | 1. Thủ tục Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng quy định tại Điều 24 dự thảo Thông tư được kế thừa quy định tại Điều 18a Thông tư 16.  2. Về thời hạn xử lý hồ sơ, dự thảo Thông tư quy định rút ngắn thời hạn xử lý so với thời hạn quy định tại Thông tư 16 từ 15 ngày xuống 10 ngày.  3. Thay đổi chức danh do thay đổi cơ cấu tổ chức theo Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| **Điều 24. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng** | **Quy định mới** | **Điều 24.** Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng  1. Trường hợp doanh nghiệp, ngân hàng thương mại tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng miếng:  a) Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hồ sơ gồm:  a.1) Văn bản đề nghị việc tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng miếng, trong đó nêu rõ lý do;  a.2) Bản chính Giấy phép sản xuất vàng miếng và bản chính các tài liệu là bộ phận không tách rời của Giấy phép sản xuất vàng miếng (nếu có);  b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo mẫu tại Phụ lục số 19 ban hành kèm Thông tư này.  2. Trường hợp doanh nghiệp, ngân hàng thương mại bị thu hồi Giấy phép khi:  a) Giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;  b) Bị thu hồi Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;  c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu chấm dứt hoạt động sản xuất vàng miếng.  Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng theo mẫu Phụ lục số 19 ban hành kèm theo Thông tư này. Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại phải chấm dứt ngay hoạt động sản xuất vàng miếng tại thời điểm bị thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếngvà phải nộp lại bản chính Giấy phép sản xuất vàng miếng và các Quyết định điều chỉnh (nếu có) cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong vòng 3 (ba) ngày làm việc. | 1. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng được thiết kế tương tự các quy định về thủ tục chấm dứt hoạt động kinh doanh, mua bán vàng miếng.  2. Bên cạnh đó, dự thảo Thông tư quy định doanh nghiệp, ngân hàng thương mại bị thu hồi Giấy phép sản xuất vàng miếng trong trường hợp giải thể, phá sản hoặc bị cơ quan chức năng yêu cầu chấm dứt hoạt động sản xuất vàng miếng. |
| **Điều 25. Nguyên tắc, cách thức kết nối thông tin** | **Quy định mới** | **Điều 25.** Nguyên tắc, cách thức kết nối thông tin  Việc kết nối cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng; doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu được thực hiện theo nguyên tắc, cách thức sau:  1. Thông tin cung cấp đảm bảo đầy đủ, chính xác.  2. Kết nối được thực hiện kịp thời và phải được thực hiện liên tục.  3. Kết nối bằng phương thức điện tử. | Các khoản 5a Điều 6 Nghị định 24; điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định 24; điểm đ khoản 4 Điều 12 Nghị định 24 và điểm e khoản 10 Điều 16 Nghị định 24 quy định Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng; Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng phải kết nối cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. |
| **Điều 26. Phạm vi kết nối thông tin** | **Quy định mới** | **Điều 26.** Phạm vi kết nối thông tin  1. Thông tin kết nối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng bao gồm:  a) Thông tin căn cước cá nhân, mã số thuế doanh nghiệp (lưu trữ tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng);  b) Khối lượng mua, bán vàng miếng;  c) Giá trị giao dịch mua, bán vàng miếng.  Mẫu thông tin kết nối được quy định tại Phụ lục số 26 ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Thông tin kết nối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu bao gồm:  a) Thông tin về hoạt động sản xuất vàng miếng (nguyên liệu đầu vào, thời gian sản xuất, sản phẩm đầu ra);  b) Thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vàng (khối lượng vàng, hàm lượng vàng, giá trị xuất khẩu, nhập khẩu);  c) Thông tin về hoạt động giao dịch bán vàng nguyên liệu (đối tác, khối lượng, hàm lượng và giá trị giao dịch).  Mẫu thông tin kết nối được quy định tại các Phụ lục số 27, 28 ban hành kèm theo Thông tư này. | 1. Phạm vi kết nối dữ liệu thông tin phù hợp với quy định tại Nghị định 232.  2. NHNN sẽ hướng dẫn phạm vi kết nối, cách thức kết nối theo quyết định của Thống đốc NHNN. Trong quá trình xây dựng mẫu biểu, NHNN sẽ xin ý kiến các đơn vị liên quan. |
| **Điều 27. Thời hạn lưu trữ thông tin** | **Quy định mới** | **Điều 27.** Thời hạn lưu trữ thông tin  Thời hạn tối thiểu lưu trữ thông tin cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại Điều 26 Thông tư này là 10 (mười) năm kể từ ngày dữ liệu thông tin được kết nối cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | Thời hạn lưu trữ thông tin 10 năm đảm bảo phục vụ nhu cầu quản lý của các cơ quan có liên quan. |
| **Điều 28. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực** | ***Kế thừa quy định tại Điều 19 Thông tư 16***  **Điều 19.** Trách nhiệm báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố  1. Định kỳ hằng quý, năm, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tổng hợp báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Vụ Quản lý ngoại hối) tình hình quản lý hoạt động kinh doanh vàng trên địa bàn (theo Phụ lục số 12 Thông tư này).  2. Thời hạn nộp báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1 Điều này như sau:  a) Đối với báo cáo quý: chậm nhất vào ngày 20 (hai mươi) của tháng đầu tiên quý tiếp theo quý báo cáo;  b) Đối với báo cáo năm: chậm nhất vào ngày 20 (hai mươi) tháng 01 (một) của năm tiếp theo năm báo cáo. | **Điều 28.** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực  1. Định kỳ hằng quý, năm, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực tổng hợp báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối) tình hình quản lý hoạt động kinh doanh vàng trên địa bàn theo mẫu Phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Thời hạn nộp báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1 Điều này như sau:  a) Đối với báo cáo quý: chậm nhất vào ngày 20 (hai mươi) của tháng đầu tiên quý tiếp theo quý báo cáo;  b) Đối với báo cáo năm: chậm nhất vào ngày 20 (hai mươi) tháng 01 (một) của năm tiếp theo năm báo cáo. | Giữ nguyên quy định trách nhiệm gửi báo cáo chỉ thay đổi đơn vị do thay đổi cơ cấu tổ chức theo Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| **Điều 29. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng** | ***Kế thừa quy định tại Điều 20 Thông tư 16***  **Điều 20.** Trách nhiệm báo cáo của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng  1. Định kỳ hàng ngày, tháng, năm hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng thực hiện báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tình hình kinh doanh mua, bán vàng miếng. Báo cáo ngày gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) theo mẫu tại Phụ lục 10a Thông tư này. Báo cáo tháng, năm gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo mẫu tại Phụ lục 10 Thông tư này.  1a. Định kỳ hằng quý, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng có thực hiện thay đổi nội dung về thông tin doanh nghiệp trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng hoặc điều chỉnh địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (bao gồm thay đổi tên, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng, bổ sung địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng, chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại địa điểm đã được cấp phép hoặc báo cáo với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này) gửi báo cáo về các nội dung thay đổi, điều chỉnh nêu trên phát sinh trong kỳ báo cáo (theo Phụ lục số 10b Thông tư này), cụ thể như sau:  a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng gửi báo cáo của toàn hệ thống cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp, tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính;  b) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng gửi báo cáo của chi nhánh, phòng giao dịch có phát sinh thay đổi cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn có chi nhánh, phòng giao dịch đó.  2. Định kỳ hàng quý, năm hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp kinh doanh vàng thực hiện báo cáo tình hình kinh doanh vàng cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo quy định sau:  a) Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ thực hiện báo cáo hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục số 11 Thông tư này).  b) Doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm thực hiện báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 7 Thông tư này).  3. Định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp được cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tình hình thực hiện nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, sản xuất, tiêu thụ vàng trang sức, mỹ nghệ từ vàng nguyên liệu nhập khẩu (theo mẫu tại Phụ lục 6 Thông tư này).  4. Thời hạn nộp báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1, 1a, 2, 3 Điều này như sau:  a) Đối với báo cáo định kỳ hằng ngày: chậm nhất vào 14 giờ của ngày làm việc tiếp theo ngày báo cáo;  b) Đối với báo cáo định kỳ hằng tháng: chậm nhất vào ngày 05 (năm) của tháng tiếp theo tháng báo cáo;  c) Đối với báo cáo định kỳ hằng quý: chậm nhất vào ngày 15 (mười lăm) của tháng đầu tiên quý tiếp theo quý báo cáo;  d) Đối với báo cáo định kỳ hằng năm: chậm nhất vào ngày 15 (mười lăm) tháng 01 (một) của năm tiếp theo năm báo cáo.  5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài, doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tình hình thực hiện hợp đồng gia công kèm theo Bảng thanh khoản hợp đồng gia công có xác nhận của hải quan.  6. Trong trường hợp nội dung báo cáo tại khoản 1 Điều này được quy định tại chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng thực hiện báo cáo theo chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng. | **Điều 29.** Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng  1. Định kỳ hằng ngày hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng thực hiện báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam doanh số kinh doanh mua, bán vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 26 ban hành kèm theo Thông tư này.  2. Định kỳ hằng quý, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng có thực hiện thay đổi nội dung về thông tin doanh nghiệp trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (bao gồm thay đổi tên doanh nghiệp, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng, bổ sung địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng, chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại địa điểm đã được cấp phép) gửi báo cáo về các nội dung thay đổi, điều chỉnh nêu trên phát sinh trong kỳ báo cáo theo mẫu Phụ lục số 21 ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể như sau:  a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng gửi báo cáo của toàn hệ thống cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi doanh nghiệp, tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính;  b) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng gửi báo cáo của chi nhánh, phòng giao dịch có phát sinh thay đổi cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trên địa bàn có chi nhánh, phòng giao dịch đó;  Trường hợp thay đổi địa chỉ của điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng do thay đổi địa giới hành chính, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng không cần gửi báo cáo theo quy định tại khoản này.  3. Định kỳ hằng quý, năm hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp kinh doanh vàng thực hiện báo cáo tình hình kinh doanh vàng cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo quy định sau:  a) Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ thực hiện báo cáo hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo mẫu tại Phụ lục số 22 ban hành kèm theo Thông tư này;  b) Doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm thực hiện báo cáo tình hình nhập khẩu vàng nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu vàng trang sức mỹ nghệ; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ xuất khẩu báo cáo tình hình xuất nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.  4. Định kỳ hằng tháng, năm hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối) tình hình thực hiện sản xuất vàng miếng theo mẫu tại Phụ lục số 23, 27, 28 ban hành kèm theo Thông tư này.  Định kỳ hằng tháng, năm hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối) tình hình thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu vàng theo mẫu tại Phụ lục số 24 ban hành kèm theo Thông tư này.  5. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài, doanh nghiệp kinh doanh vàng có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ cho nước ngoài được cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực tình hình thực hiện hợp đồng gia công kèm theo Bảng thanh khoản hợp đồng gia công có xác nhận của hải quan.  6. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng phải niêm yết công khai giá mua, giá bán vàng miếng tại địa điểm kinh doanh, mua bán vàng miếng hoặc trên trang thông tin điện tử và kết nối cung cấp thông tin về mức giá niêm yết cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  7. Trong trường hợp nội dung báo cáo tại khoản 1, 4 và 5 Điều này được quy định tại chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng thực hiện báo cáo theo chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng. | 1. Giữ nguyên quy định trách nhiệm gửi báo cáo của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng chỉ thay đổi nơi nhận báo cáo do thay đổi cơ cấu tổ chức theo Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  2. Đồng thời bổ sung báo cáo về hoạt động sản xuất vàng miếng, xuất khẩu, nhập khẩu vàng cho các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được NHNN cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng. |
| **Điều 30. Thời hạn nộp báo cáo định kỳ** | **Quy định mới** | **Điều 30. Thời hạn nộp báo cáo định kỳ**  Thời hạn nộp các báo cáo định kỳ theo quy định tại Thông tư này như sau:  1. Đối với báo cáo định kỳ hằng ngày: chậm nhất vào 14 giờ của ngày làm việc tiếp theo ngày báo cáo.  2. Đối với báo cáo định kỳ hằng tháng: chậm nhất vào ngày 8 (tám) của tháng tiếp theo tháng báo cáo.  3. Đối với báo cáo định kỳ hằng quý: chậm nhất vào ngày 15 (mười lăm) của tháng đầu tiên quý tiếp theo quý báo cáo.  4. Đối với báo cáo định kỳ hằng năm: chậm nhất vào ngày 15 (mười lăm) tháng 01 (một) của năm tiếp theo năm báo cáo. | Thời hạn nộp báo cáo được kế thừa các quy định tại Thông tư 16. |
| **Điều 31. Trách nhiệm doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng** | **Quy định mới** | **Điều 31.** Trách nhiệm doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng  Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh vàng có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP và Nghị định số 232/2025/NĐ-CP. | Quy định để phù hợp với các quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng trong hoạt động kinh doanh vàng được quy định tại Nghị định 24 và Nghị định 232. |
| **Điều 32. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam** | **Quy định mới** | **Điều 32.** Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  1. Cục Quản lý ngoại hối:  a) Đầu mối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế xây dựng, điều chỉnh tổng hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại;  b) Cử đại diện tham gia Hội đồng xây dựng hạn mức quy định tại Điều 21 Thông tư này. Đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, tham mưu trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định tổng hạn mức hàng năm đối với việc xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu; hạn mức hằng năm xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho từng doanh nghiệp, ngân hàng thương mại;  c) Đầu mối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng xây dựng hạn mức quy định tại Điều 21 Thông tư này;  d) Tham mưu trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại theo quy định tại Thông tư này.  2. Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tài chính, tiền tệ, Cục quản lý, giám sát tổ chức tín dụng cử đại diện tham gia Hội đồng xây dựng hạn mức quy định tại Điều 21 Thông tư này, phối hợp với Cục Quản lý ngoại hối thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng xây dựng hạn mức quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.  3. Cục Công nghệ thông tin phối hợp với Cục Quản lý ngoại hối hướng dẫn cách thức, tổ chức triển khai và tiếp nhận thông tin kết nối của các tổ chức theo quy định tại Thông tư này.  4. Thời báo ngân hàng có trách nhiệm tiếp nhận và đăng tải trên trang thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về giá mua, giá bán vàng miếng do doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cung cấp.  5. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các hoạt động kinh doanh vàng quy định tại Nghị định số 24/2012/NĐ-CP, Nghị định 232/2025/NĐ-CP và các quy định tại Thông tư này. | 1. Phù hợp với cơ cấu tổ chức theo Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  2. Quy định trách nhiệm của Cục Quản lý ngoại hối là đơn vị đầu mối thực hiện cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vàng của các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được NHNN cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Cục QLNH.  3. Các đơn vị thuộc NHNN căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Cục QLNH để xây dựng và trình Thống đốc Ngân hàng nhà nước tổng hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng; hướng dẫn và tiếp nhận thông tin báo cáo; tiếp nhận và đăng tải trên trang thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước giá mua, giá bán vàng miếng do doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cung cấp; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các hoạt động kinh doanh vàng. |
| **Điều 33. Hiệu lực thi hành** | **Điều 22.** Điều khoản chuyển tiếp  1. Trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng đang kinh doanh mua, bán vàng miếng được tiếp tục kinh doanh mua, bán vàng miếng và phải hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh lại với cơ quan đăng ký kinh doanh và hoàn tất thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan của pháp luật.  2. Sau thời hạn chuyển tiếp quy định tại Khoản 1 Điều này, các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng đang kinh doanh mua, bán vàng miếng không có Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng do Ngân hàng Nhà nước cấp không được phép thực hiện kinh doanh mua, bán vàng miếng.  3. Sau thời hạn chuyển tiếp quy định tại Điều 21 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP, các doanh nghiệp đang sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ không được phép thực hiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.  **Điều 23.** Hiệu lực thi hành  1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2012.  2. Bãi bỏ Thông tư số 10/2003/TT-NHNN ngày 16/9/2003 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 09/12/1999 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và Nghị định số 64/2003/NĐ-CP ngày 11/6/2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 174/1999/NĐ-CP; bãi bỏ Quyết định số 1703/2004/QĐ-NHNN ngày 28/12/2004 sửa đổi bổ sung Thông tư số 10/2003/TT-NHNN.  3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý Ngoại hối và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh vàng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. | **Điều 33.** Hiệu lực thi hành  1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025.  2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành, bao gồm:  a) Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;  b) Thông tư số 38/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;  c) Thông tư số 03/2017/TT-NHNN ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;  d) Thông tư số 29/2019/TT-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;  đ) Thông tư số 15/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;  e) Điều 1 Thông tư số 24/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.  3. Các Giấy phép được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực, tiếp tục có hiệu lực cho đến khi Giấy phép đó hết hiệu lực. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy phép được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực phải thực hiện theo quy định tại Thông tư này.  4. Thời điểm bắt đầu triển khai kết nối các thông tin từ doanh nghiệp, ngân hàng thương mại cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại Chương VI Thông tư này được thực hiện chậm nhất trước ngày 31/3/2026.  5. Thời điểm bắt đầu triển khai kết nối cung cấp thông tin về mức giá niêm yết cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại khoản 7 Điều 30 Thông tư này được thực hiện chậm nhất trước ngày 31/12/2025.  6. Việc xây dựng, điều chỉnh và phân bổ hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu trong năm 2025 cho các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11a Nghị định số 232/2025/NĐ-CP được căn cứ vào tình hình cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại; không điều chỉnh bởi khoản 3 Điều 20 Thông tư này.  7. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. | 1. Thông tư có hiệu lực từ ngày 10/10/2025 để phù hợp với hiệu lực thi hành của Nghị định 232.  2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực Thông tư 16 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 16 hết hiệu lực thi hành.  3. Để đảm bảo thông suốt trong quá trình hoạt động kinh doanh vàng của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng dự thảo Thông tư quy định Các Giấy phép được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực, tiếp tục có hiệu lực cho đến khi Giấy phép đó hết hiệu lực.  4. Dự thảo Thông tư quy định hiệu lực thi hành về thời điểm bắt đầu kết nối dữ liệu thông tin của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng cho Ngân hàng Nhà nước tại Chương VI chậm nhất trước ngày 31/3/2025. Quy định như trên là để cho các tổ chức có thời gian chuẩn bị phương tiện, công nghệ và nhân sự để thực hiện kết nối.  5. Quy định thời điểm bắt đầu triển khai kết nối cung cấp thông tin về mức giá niêm yết cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chậm nhất trước ngày 31/12/2025 là để có đủ thời gian cho các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được NHNN cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng có đủ thời gian chuẩn bị thực hiện.  6. Sau khi Thông tư có hiệu lực (ngày 10/10/2025), doanh nghiệp, ngân hàng thương mại cần có thời gian để thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, cấp hạn mức xuất khẩu, nhập khẩu vàng. Do đó, dự thảo Thông tư quy định việc xây dựng, điều chỉnh và cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu và thời hạn nộp hồ sơ xin cấp hạn mức xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu trong năm 2025 được áp dụng căn cứ trên tình hình thực tế mà không áp dụng theo thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 20 dự thảo Thông tư. |

1. Sửa đổi tại các Thông tư: Số 38/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015; số 03/2017/TT-NHNN ngày 06/6/2017; số 29/2019/TT-NHNN ngày 27/12/2019; số 15/2021/TT-NHNN ngày 30/9/2021; số 24/2022/tT-NHNN ngày 30/12/2022. Được hợp nhất tại văn bản hợp nhất số 04/VBHN-NHNN ngày 13/02/2023. [↑](#footnote-ref-1)